



**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

**Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập  
và Hoạt động số**

77/UBCK-GPHDKD

21 tháng 2 năm 2019

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 77/UBCK-GPHDKD được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 2 năm 2019.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Park Chunsoo	Chủ tịch
Ông Yoon Bob Nyol	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Thành viên
Ông Oh Cheol Wu	Thành viên
Ông Byoung Jo Chun	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Oh Cheol Wu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Shin Jhintae	Giám đốc tài chính

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Park Chunsoo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng G, Tầng 2 và 7  
Tòa nhà Sky City  
88 Láng Hạ, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần**  
**Chứng khoán KB Việt Nam**  
V/v: Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Nguyễn Thanh Huyền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

### **Kính gửi Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2020 (“Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính”), được trình bày từ trang 5 đến trang 3018.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này phù hợp với các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam không được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với 1 các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Cơ sở lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính và Hạn chế sử dụng**

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 2 của Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính, mô tả về cơ sở lập báo cáo. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập để Công ty tuân thủ các yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ("Thông tư 87") quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính đã được đề cập ở trên. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính có thể không thích hợp sử dụng cho mục đích khác. Báo cáo của chúng tôi chỉ nhằm mục đích để Công ty nộp cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin theo yêu cầu của Thông tư 87 và không nhằm sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

#### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00177-20-2



Wang Toon Kim  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2020
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường (VND)	5a	93.052.835.595
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán (VND)	5b	313.472.299.166
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động (VND)	5c	101.003.663.481
4	<b>Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3) (VND)</b>		<b>507.528.798.242</b>
5	Vốn khả dụng (VND)	4	1.965.785.231.622
6	<b>Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4) (%)</b>		<b>387%</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Nguyễn Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Hoàn  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Cơ sở thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 77/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 6 năm 2008. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK được cấp ngày 21 tháng 2 năm 2019.

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Hội Đồng Quản trị thông qua và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 4 năm 2019.

**(b) Vốn điều lệ của Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, vốn điều lệ của Công ty là 1.675.020.900.000 VND (1/1/2020: 1.675.020.900.000 VND).

**(c) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, Công ty nhận được Giấy chứng nhận số 32/GCN-UBCK chứng nhận Công ty đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch phái sinh.

***Hạn chế đầu tư***

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

**(d) Mạng lưới hoạt động**

Địa chỉ liên hệ của Công ty tại Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty có ba chi nhánh:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 401/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 7 năm 2013. Chi nhánh đặt tại Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 379/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 8 năm 2015. Chi nhánh đặt tại Tầng 1, Tòa nhà Văn phòng, Số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## **Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**

### **Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

- Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 08/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 1 năm 2019. Chi nhánh đặt tại Tầng 1 Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### **(e) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(f) Số lượng nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 290 nhân viên (1/1/2020: 243 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập để Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 (“Thông tư 87”) của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính và việc sử dụng báo cáo không được thiết kế cho những người không được biết về các nguyên tắc và các quy định của Thông tư 87 về việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính áp dụng cho các tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam. Do đó, Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

#### **(b) Cơ sở số liệu tài chính**

Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày 30 tháng 6 năm 2020. Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

#### **(c) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính.



### **3. Tóm tắt những chính sách chủ yếu được áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính**

Sau đây là những chính sách chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính này.

#### **(a) Tỷ lệ vốn khả dụng**

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường (Thuyết minh 3(c)), giá trị rủi ro thanh toán (Thuyết minh 3(d)) và giá trị rủi ro hoạt động (Thuyết minh 3(e)).

#### **(b) Vốn khả dụng**

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày. Vốn khả dụng bao gồm các khoản sau:

- Vốn góp của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Vốn khác của chủ sở hữu;
- Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận chưa phân phối;
- Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các công cụ nợ khác thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: là khoản nợ mà trong mọi trường hợp, chủ nợ chỉ được thanh toán sau khi Công ty đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác; có thời hạn ban đầu tối thiểu trên 10 năm; không được đảm bảo bằng tài sản của Công ty; Công ty được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh bị lỗ; chủ nợ chỉ được Công ty trả nợ trước hạn sau khi đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) theo quy định; việc điều chỉnh tăng lãi suất, kể cả việc điều chỉnh tăng lãi suất cộng thêm vào lãi suất tham chiếu chỉ được thực hiện sau 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng và được điều chỉnh một lần trong suốt thời hạn của khoản vay; đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với UBCKNN.

Các công cụ nợ này phải được tính giảm dần theo nguyên tắc sau: Trong thời gian năm (05) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán, sau mỗi năm gần đến hạn thanh toán, giá trị các công cụ nợ này phải khấu trừ 20% giá trị ban đầu; Trong thời hạn bốn (04) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán thì sẽ phải khấu trừ tiếp mỗi quý 25% từ phần giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ theo quy định nêu trên.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Tổng giá trị các khoản mục tăng thêm được sử dụng để bổ sung vào vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm các khoản mục sau:

- Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác có thời hạn còn lại trên chín mươi (90) ngày;
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ, không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn bao gồm chứng khoán tại chỉ tiêu Đầu tư ngắn hạn, các khoản trả trước, các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày, các khoản tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày và các tài sản ngắn hạn khác; và
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến, kết luận trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng theo quy định trên.

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị sổ sách (đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng).

**(c) Giá trị rủi ro thị trường**

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và chứng khoán mà Công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán theo hình thức cam kết chắc chắn chưa phân phối và chưa thanh toán đầy đủ trong thời gian bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 87 như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Trạng thái ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Trong đó, trạng thái ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty trong các trường hợp dưới đây:
  - Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Công ty;
  - Là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của công ty mẹ của Công ty.
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**(i) Giá trị tài sản**

Giá trị tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá chứng khoán được quy định tại Thông tư 87 như sau:

<b>STT</b>	<b>Loại tài sản</b>	<b>Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ được chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán
<b>Trái phiếu</b>		
5	Trái phiếu niêm yết	<p>Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i>                      Max (Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế)</p>
6	Trái phiếu không niêm yết	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn, cộng lãi lũy kế;</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty, bao gồm cả lãi lũy kế.</li> </ul>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá yết (nếu có); Giá mua công lãi lũy kế; Mệnh giá công lãi lũy kế); Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>
<b>Cổ phiếu</b>		
7	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán không phải là bên liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.</p> <p>Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá từ các báo giá;</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;</li> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty)</p>
11	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Mệnh giá; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Mệnh giá; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
12	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</p>
13	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; và</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty.</li> </ul> <p><i>Tức là:</i></p> <p>Max (Giá trị sổ sách; Giá mua/giá trị vốn góp; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của Công ty).</p>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Quý/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán</b>		
14	Quý đóng đại chúng	Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/ICCCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
15	Quý thành viên/Quý mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
16	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của Công ty
<b>Tài sản cố định</b>		
17	Quyền sử dụng đất.	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn
18	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn/chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế
19	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...	Giá trị còn lại của tài sản
20	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do Công ty lựa chọn
<b>Chứng khoán khác</b>		
21	Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	- Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang VND tại ngày tính toán - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán. <i>Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</i>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**(ii) Hệ số rủi ro thị trường**

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư 87 được trình bày ở Thuyết minh 5(a).

**(iii) Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm**

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định trên đây sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ 10% tới 15% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ 15% tới 25% vốn chủ sở hữu của Công ty;
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ 25% trở lên vốn chủ sở hữu của Công ty.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

**(d) Giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

- Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng, được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro trước thời hạn thanh toán trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
  - Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
  - Các khoản phải thu trong hạn của tổ chức kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán.
- Đối với hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà Công ty là tổ chức bảo lãnh phát hành chính, giá trị rủi ro thanh toán được xác định bằng 30% giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam**  
**Thuyết minh Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

- Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định giá trị rủi ro quá thời hạn thanh toán trên đây được áp dụng cho:

- Các khoản phải thu đã quá hạn, kể cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán;
- Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán;
- Chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các giao dịch, hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; và hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật.

**(i) Hệ số rủi ro thanh toán**

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 87 như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho Công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
2	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức, cá nhân khác	8%